

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F2

Lần sửa: 01

Trang: 1/3.

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN GIÁM SÁT, HẬU KIỂM, PHẢN ỨNG SAU TIÊM THÁNG 07 NĂM 2024

1. Giám sát:

STT	Tên sản phẩm	Tên Nhà sản xuất	Lô số	Hạn dùng	Địa điểm mua mẫu	Tên thử nghiệm	Kết quả (Đạt/ không đạt)	Ghi chú
1	Jevax	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1	JM-041123E	01/10/2025	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Nam	Vô trùng, Công hiệu	Đạt	
2	Gen-HBvax	Polyvac	GB-031023E	09/2026	Trung tâm y tế thành phố Hà Tĩnh	Công hiệu invitro	Đạt	
3	Gen-HBvax	Polyvac	GB-031023E	09/2026	CDC Hà Tĩnh	Công hiệu invitro	Đạt	
4	Gen-HBvax	Polyvac	GB-041123E	01/10/2026	CDC Bà Rịa – Vũng Tàu	Vô trùng	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F2

Lần sửa: 01

Trang: 2/....3

2. Hậu kiểm:

STT	Tên sản phẩm	Tên Nhà sản xuất	Lô số	Hạn dùng	Địa điểm mua mẫu	Tên thử nghiệm	Kết quả (Đạt/ không đạt)	Ghi chú
1	Infanrix hexa	GSK	A21CE411 A	28/02/2026	Phòng tiêm chủng vắc xin dịch vụ Quảng Trị	Nhận dạng ho gà	Đạt	
2	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế	532-00-23	30/10/2025	Công ty TNHH được phẩm Hồng Dương	Hàm lượng protein toàn phần, Thiomersal, An toàn chung	Đạt	
3	Prevenar 13	Pfizer	HE6699	18/04/2026	Phòng tiêm 01-81 Hải Thượng Lân Ông, TTTC Long Châu, Hà Tĩnh	Vô trùng, Nhận dạng, hàm lượng protein	Đạt	
4	Measles, Mumps and Rubella vaccine live, attenuated	Serum institute of India. Ltd	0133N030B	05/2025	Phòng khám đa khoa Tâm Phúc Đắk Mil, Đắk Nông	Cảm quan, Endotoxin, Vô trùng	Đạt	
5	Influvac Tetra	Abbott Biological	G51	11/2024	Công ty TNHH được phẩm vắc xin Thuận Đức	Cảm quan, thể tích, Vô trùng, Hàm lượng kháng nguyên, Endotoxin	Đạt	



Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F2

Lần sửa: 01

Trang: 3/...3

6	Varivax	MSD	X018563	10/07/2025	Phòng tiêm Sapo 52 Đà Nẵng	Vô trùng	Đạt	
7	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế	IVAC	045-00-23	09/08/2025	Công ty cổ phần Dược phẩm Tường Khê, Đà Nẵng	Hàm lượng protein, Thiomersal, NaCl, An toàn chung (chует nhất)	Đạt	
8	Heberbiovac HB	CIGB - Cuba	4C0411/0	01/2027	Công ty TNHHduwocj phẩm vắc xin Thuận Đức	Hàm lượng nhôm, pH, Thiomersal, Vô trùng, Công hiệu, nhận dạng	Đạt	
9	Imojev	Global Biotech Product	08C2323-1	09/2026	Công ty cổ phần dịch vụ Tavo	Công hiệu	Đạt	

3. Phản ứng sau tiêm:

Trưởng khoa

Nguyễn Hoàng Tùng

Hà nội, ngày 1 tháng 8 năm 2024

Người tổng hợp

Lâm Thị Huyền Trang

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN XUẤT XỬ ĐĂNG KÝ THÁNG 07 NĂM 2024

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
1.	RotaTeq®	Y008505	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	22.160 liều	Đạt	
2.	IMOJEV®	08C2326GA	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	47.000 liều	Đạt	
3.	IMOJEV®	08C2326GB	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	19.303 liều	Đạt	
4.	IMOJEV®	08C2330GA	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	54.080 liều	Đạt	
5.	VARIVAX®	Y007568	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	8.964 liều	Đạt	
6.	VARIVAX®	Y008157	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	39.112 liều	Đạt	
7.	VARIVAX®	Y008159	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	40.606 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)
Lần sửa: 01

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Trang: 2.../18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
8.	IMOJEV®	08C2327GA	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	66.655 liều	Đạt	
9.	Abhayrab	24URAB020	Human Biologicals Institute - India	70.050 liều	Đạt	
10.	INDIRAB®	62C23057A	Bharat Biotech International Ltd.- India	37.766 liều	Đạt	
11.	RotaTeq®	Y004605	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	98.400 liều	Đạt	
12.	INFLUVAC® TETRA 2024	H21	Abbott Biologicals B.V – Hà Lan	87.163 liều	Đạt	
13.	INFLUVAC® TETRA 2024	H23	Abbott Biologicals B.V – Hà Lan	272.357 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 3.../18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
14.	IMOJEV®	08C2330GA	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	15.027 liều	Đạt	
15.	IMOJEV®	08C2331GA	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	22.733 liều	Đạt	
16.	IMOJEV®	08C2331GB	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	45.178 liều	Đạt	
17.	GARDASIL® 9	Y007964	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	63.360 liều	Đạt	
18.	GARDASIL®	Y006942	Merck Sharp & Dohme LLC, USA	113.140 liều	Đạt	
19.	SPEEDA	202312272AY	Liaoning Cheng Da Biotechnology Co.,LTD., China	88.255 liều	Đạt	
20.	IMOJEV®	08C2333GA	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	46.000 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)
Lần sửa: 01

Trang: 4.../18

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
21.	IMOJEV®	08C2333GB	Global Biotech Products Co., Ltd. - Thailand	22.770 liều	Đạt	
22.	ROTAVIN	R-1724	Trung tâm nghiên cứu, sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	20.500 liều	Đạt	
23.	MRVAC	MR-0124	Trung tâm nghiên cứu sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	301.350 liều	Đạt	
24.	Gene-Hbvax (20µg/1,0 ml /lọ)	GB-010424	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	234.671 lọ	Đạt	
25.	MVVAC	M-0524	Trung tâm nghiên cứu sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	300.980 liều	Đạt	
26.	MVVAC	M-0624	Trung tâm nghiên cứu sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	299.850 liều	Đạt	
27.	albumorm™ 50 g/l	K316B6642	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H - Áo	3.040 hộp	Đạt	
28.	Human Albumin 20% Octapharma	K412B6661	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H - Áo	16.513 hộp	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 5./18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
29.	albunorm™ 20%	P405B6665	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm, đóng gói cấp 1 và xuất xưởng lô: Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH – Đức Cơ sở đóng gói cấp 2: Octapharma Dessau GmbH – Đức	12.525 hộp	Đạt	
30.	albunorm™ 20%	P407B6861	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm, đóng gói cấp 1 và xuất xưởng lô: Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH – Đức Cơ sở đóng gói cấp 2: Octapharma Dessau GmbH – Đức	37.527 hộp	Đạt	
31.	Human Albumin 20% Octapharma	K412A6661	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H - Áo	16.127 hộp	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: ...6.../18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
32.	albumorm™ 20%	P412A6661	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm, đóng gói cấp 1 và xuất xưởng lô: Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH – Đức Cơ sở đóng gói cấp 2: Octapharma Dessau GmbH – Đức	11.237 hộp	Đạt	
33.	Kiovig	BE12E079AE	Baxalta Belgium Manufacturing SA – Belgium/Bỉ	2.000 hộp	Đạt	
34.	FEIBA 25 E./ml	F2B005AH	Takeda Manufacturing Austria AG-Áo	600 hộp	Đạt	
35.	IMMUNINE 600	C1B016AE	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	1.210 kit	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang:/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
36.	albumorm™ 20%	P410A6863	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm, đóng gói cấp 1 và xuất xưởng lô: Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH – Đức Cơ sở đóng gói cấp 2: Octapharma Dessau GmbH – Đức	22.625 hộp	Đạt	
37.	albumorm™ 20%	P411B6862	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm, đóng gói cấp 1 và xuất xưởng lô: Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH – Đức Cơ sở đóng gói cấp 2: Octapharma Dessau GmbH – Đức	16.216 hộp	Đạt	
38.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B049AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	7.348 hộp	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: ...8./18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
39.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B058AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	7.838 hộp	Đạt	
40.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B061AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	8.723 hộp	Đạt	
41.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B063AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	9.363 hộp	Đạt	
42.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B065AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	8.657 hộp	Đạt	
43.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B042AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	7.941 hộp	Đạt	
44.	HUMAN ALBUMIN BAXTER 200 g/l	A4B067AA	Takeda Manufacturing Austria AG, Áo	7.408 hộp	Đạt	
45.	IV Immunoglobulin 5% Octapharma	K403A8441	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H - Áo	14.014 hộp	Đạt	
46.	Kiovig	BE12E079AS	Baxalta Belgium Manufacturing SA – Belgium/Bỉ	2.000 hộp	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: *KĐQG-05-F1*

Lần sửa: 01

Trang: 9./18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
47.	FLEXBUMIN 20%	LB078451	Baxalta US Inc. - USA	12.072 hộp	Đạt	
48.	Albutein® 20%	A01H068562	Grifols Biologicals LLC.-USA	23.385 hộp	Đạt	
49.	Albutein® 25%	B03J008882	Grifols Biologicals LLC.-USA	16.557 hộp	Đạt	
50.	Human Albumin Grifols® 20%	A04J005251	Instituto Grifols, S.A.-Spain/Tây Ban Nha	8.751 hộp	Đạt	
51.	IMMUNOHBs 180 IU/ml	Q01I42234	Kedrion S.p.A. - Italy	8.375 hộp	Đạt	
52.	ProIVIG	ID05F24001	Reliance Life Sciences Pvt. Ltd. - Ấn Độ	2.995 hộp	Đạt	
53.	IMMUNORHO	Q01F05242C	Kedrion S.p.A. - Italy	2.004 hộp	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 10./18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
54.	HUYẾT THANH KHÁNG ĐỘC TỔ UỐN VÁN TINH CHẾ (SAT)	539-00-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	114.859 ống	Đạt	
55.	HUYẾT THANH KHÁNG ĐẠI TINH CHẾ (SAR)	129-00-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	25.064 lọ	Đạt	
56.	HUYẾT THANH KHÁNG ĐỘC TỔ UỐN VÁN TINH CHẾ (SAT)	540-00-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	112.650 ống	Đạt	
57.	HUYẾT THANH KHÁNG NỌC RẮN LỤC TRE TINH CHẾ (SAV)	047-00-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	23.232 lọ	Đạt	
58.	HUYẾT THANH KHÁNG ĐỘC TỔ UỐN VÁN TINH CHẾ (SAT)	541-00-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	110.530 ống	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 11/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
59.	HUYẾT THANH KHÁNG DẠI TINH CHẾ (SAR)	130-00-24	Viện vắc xin và sinh phẩm Y tế	26.184 lọ	Đạt	
60.	VA-MENGOC-BC®	415M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	18.734 liều	Đạt	
61.	VA-MENGOC-BC®	417M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	17.435 liều	Đạt	
62.	TYPHIM Vi	X2A462V	Sanofi Pasteur - France	161.147 liều	Đạt	
63.	Diphtheria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B and Haemophilus influenzae type b Conjugate Vaccine Adsorbed	2853X021E	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	32.839 liều	Đạt	
64.	Diphtheria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B and Haemophilus influenzae type b Conjugate Vaccine Adsorbed	2854X001A	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	195.532 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 42/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
65.	Diphtheria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B and Haemophilus influenzae type b Conjugate Vaccine Adsorbed	2854X001B	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	192.682 liều	Đạt	
66.	Diphtheria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B and Haemophilus influenzae type b Conjugate Vaccine Adsorbed	2854X001C	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	80.875 liều	Đạt	
67.	Quimi-Hib®	4H0101/1	Center for Genetic Engineering and Biotechnology, CuBa	57.764 liều	Đạt	
68.	Quimi-Hib®	4H0101/0	Center for Genetic Engineering and Biotechnology, CuBa	58.916 liều	Đạt	
69.	Infanrix hexa™	A21CE453B	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	97.632 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 13/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
70.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE481A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	30.024 liều	Đạt	
71.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE484A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	22.464 liều	Đạt	
72.	ADACEL [®]	3CA24C6	Sanofi Pasteur Limited, Canada	49.910 liều	Đạt	
73.	VA-MENGOC-BC [®]	416M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	17.606 liều	Đạt	
74.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE483A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	73.872 liều	Đạt	
75.	BEXSERO	ABXE29AA	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l, Italy	50.120 liều	Đạt	
76.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE454A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	91.368 liều	Đạt	
77.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE487A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	60.264 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 14/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
78.	boostrix	AC37B477AJ	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	115.632 liều	Đạt	
79.	BEXSERO	ABXE62AA	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l., Italy	67.200 liều	Đạt	
80.	ADACEL®	3CA31C1	Sanofi Pasteur Limited, Canada	14.943 liều	Đạt	
81.	VA-MENGOC-BC®	420M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	26.476 liều	Đạt	
82.	VA-MENGOC-BC®	422M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	24.565 liều	Đạt	
83.	VA-MENGOC-BC®	424M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	14.994 liều	Đạt	
84.	VA-MENGOC-BC®	418M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	25.930 liều	Đạt	
85.	VA-MENGOC-BC®	419M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	26.670 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 15/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
86.	<i>Prevenar 13</i> ®	LD4379	Pfizer Manufacturing Belgium NV-Bỉ	192.000 liều	Đạt	
87.	<i>Prevenar 13</i> ®	LD4379	Pfizer Manufacturing Belgium NV-Bỉ	49.395 liều	Đạt	
88.	VA-MENGOC-BC®	421M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	26.730 liều	Đạt	
89.	VA-MENGOC-BC®	425M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	15.518 liều	Đạt	
90.	VA-MENGOC-BC®	427M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	15.473 liều	Đạt	
91.	VA-MENGOC-BC®	428M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	15.565 liều	Đạt	
92.	VA-MENGOC-BC®	426M	Instituto Finlay De Vacunas - Cuba	15.480 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 16/18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
93.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE485A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	56.484 liều	Đạt	
94.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE487A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	60.264 liều	Đạt	
95.	Infanrix <i>hexa</i> TM	A21CE489A	GlaxoSmithKline Biologicals S.A-Belgium	58.644 liều	Đạt	
96.	<i>Prevenar 13</i> [®]	LD4379	Pfizer Manufacturing Belgium NV-Bi	48.000 liều	Đạt	
97.	<i>Prevenar 13</i> [®]	LG9909	Pfizer Manufacturing Belgium NV-Bi	41.998 liều	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: KĐQG-05-F1

Lần sửa: 01

Trang: 42./18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
98.	MENACTRA®	U8308AB	Sanofi Pasteur Inc.-USA	80.728 liều	Đạt	
99.	MENACTRA®	U8140AC	Sanofi Pasteur Inc.-USA	170.000 liều	Đạt	
100.	BEXSERO	ABXE62AA	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l., Italy	70.770 liều	Đạt	
101.	BEXSERO	ABXE62AA	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l., Italy	67.200 liều	Đạt	
102.	VẮC XIN BẠCH HẦU- HO GÀ-UỐN VÁN HẤP PHỤ (DPT)	390-20-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	369.400 liều	Đạt	
103.	VẮC XIN BẠCH HẦU- HO GÀ-UỐN VÁN HẤP PHỤ (DPT)	391-20-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	296.920 liều	Đạt	
104.	VẮC XIN TẢ UỐNG - mORCVAX	mO-020324	Công ty TNHH Một thành viên vắc xin và sinh phẩm số 1	162.864 lọ	Đạt	

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (NICVB)

Biểu mẫu số: **KĐQG-05-F1**

Lần sửa: 01

Trang: 18./18

STT	Tên sản phẩm	Lô số	Nhà sản xuất/nhập khẩu	Số lượng thành phẩm (liều)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ghi chú
105.	Vắc xin Thương hàn Vi polysaccharide	36	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	35.594 liều	Đạt	
106.	Vắc xin Thương hàn Vi polysaccharide	37	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	35.916 liều	Đạt	
107.	VẮC XIN TẢ UỐNG - mORCVAX	mO-030424	Công ty TNHH Một thành viên vắc xin và sinh phẩm số 1	161.750 lọ	Đạt	
108.	VẮC XIN UỐN VÁN HẤP PHỤ (TT)	207-01-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	150.640 liều	Đạt	
109.	VẮC XIN UỐN VÁN HẤP PHỤ (TT)	208-01-24	Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế	158.630 liều	Đạt	

Trưởng khoa



Nguyễn Hoàng Tùng

Người tổng hợp



Trần Thị Hiền